TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm;

Ông Nguyễn Văn Sol.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy L trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Do có người làm mai nên chị L và anh Q kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo truyền thống nhưng đến nay chưa có đăng ký kết hôn. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về là kiếm chuyện đánh vợ, cha mẹ hai bên có khuyên can nhưng anh Q không nghe, không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên chị Phạm Thị Thùy L xin được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

- Về con chung: Có 01 người con tên Phạm Trâm A, sinh ngày 01/3/2019 (nữ), hiện sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Phạm Văn Q:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh Q không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị L. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng anh Q vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Phạm Văn Q Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với anh Q, nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn Q.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Do có người làm mai nên chị L và anh Q kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo truyền thống nhưng đến nay chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về là kiếm chuyện đánh vợ, cha mẹ hai bên có khuyên can nhưng anh Q không nghe, không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Xét thấy, chị L từ năm 2015 đến nay có sống chung như vợ chồng với anh Q mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chị L và anh Q chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị L và anh Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Chị L xác định có 01 người con tên Phạm Trâm A, sinh ngày 01/3/2019 (nữ), hiện sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét thấy, từ khi chị L và anh Q sống ly thân thì cháu Trâm A sống chung với chị L, cuộc sống của cháu đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Phạm Trâm A, sinh ngày 01/3/2019 (nữ) cho chị L có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc.

Anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị L phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thùy L với anh Phạm Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thùy L nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Phạm Trâm A, sinh ngày 01/3/2019 (nữ).

Anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, chị L phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, chị L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008147 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo